VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01993/2026/PKQ (26.659)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260601.005: NM5: Nước mặt tại hồ lắng nước thải của mỏ
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260601.005	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,6	**6,0-8,5**(1)
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	4,7	**≥ 5,0**(1)
3	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	5,30	**≤ 6**(1)
4	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	<9(a)	**≤ 15**(1)
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	18,5	**≤ 15**(1)
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	0,25	**≤ 0,3**(1)
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO_3:2023	<0,6(a)	**≤ 1,5**(1)
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,01**
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,005**
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,02**
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,14	**0,5**
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	**0,428**	**0,1**
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	**0,001**
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	**0,55**	**0,5**
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	<3(a)	**5**
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	**20**
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	470	**≤ 5.000**(1)

Ghi chú:
- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- (1) Chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0108210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT X.ĐÔNG ANH-TP.HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Khu 4, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 01994/2026/PKQ (26.659)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Nước thải
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : NT.260601.010: NT6: Vị trí trên dòng thải sau hệ thống xử lý nước thải ra môi trường
Ngày lấy mẫu : 01/06/2026
Thời gian thử nghiệm : 01/06/2026 – 15/06/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 40:2025/BTNMT
				NT.260601.010	Cột B
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,7	6 - 9
2	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	11,6	≤ 60
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	20,2	≤ 90
4	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	28,0	≤ 80
5	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	≤ 0,25
6	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0003)	≤ 0,005
7	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	≤ 0,5
8	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,001)	≤ 0,1
9	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,05)	≤ 3,0
10	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,119	≤ 5,0
11	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	0,512	≤ 10
12	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,13	≤ 10
13	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/L	SMEWW 5520B&F:2023	KPH (LOD=1)	≤ 5,0
14	E.Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	0	-
15	Coliform	MPN/100ml	SMEWW 9221B:2023	1.400	≤ 5.000

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 40:2025/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về nước thải Công nghiệp;

Hà Nội, ngày 15 tháng 06 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02980/2026/PKQ (26.1123)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260723.001: NM10: Nước mặt tại khu vực khai thác mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260723.001	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	7,2	**6,0-8,5**(1)
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,7	**≥ 5,0**(1)
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	**37,6**	**≤ 15**(1)
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	**23,2**	**≤ 6**(1)
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	11,0	**≤ 15**(1)
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,09(a)	**≤ 0,3**(1)
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	<0,6(a)	**≤ 1,5**(1)
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,01**
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,005**
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,02**
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,5**
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	**0,001**
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,24	**0,5**
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	**5**
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	**20**
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	120	**≤ 5.000**(1)

Ghi chú:
- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- (1) Chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0108210722-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT X. ĐÔNG ANH TP. HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02981/2026/PKQ (26.1123)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước mặt
NM.260723.002: NM11: Nước mặt tại khu dân cư gần khu vực mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 08:2023/BTNMT
				NM.260723.002	Giá trị giới hạn
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,9	**6,0-8,5**(1)
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	5,5	**≥ 5,0**(1)
3	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	**34,7**	**≤ 15**(1)
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	**20,6**	**≤ 6**(1)
5	TSS	mg/L	TCVN 6625:2000	13,0	**≤ 15**(1)
6	Tổng P	mg/L	TCVN 6202:2008	<0,09(a)	**≤ 0,3**(1)
7	Tổng N	mg/L	SMEWW 4500-N.C:2023 + SMEWW 4500.NO3:2023	0,66	**≤ 1,5**(1)
8	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,01**
9	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,005**
10	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	**0,02**
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
12	Zn	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,5**
13	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	**0,1**
14	Thủy ngân (Hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	**0,001**
15	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	**0,72**	**0,5**
16	Tổng dầu mỡ	mg/L	SMEWW 5520B:2023	KPH (LOD=1)	**5**
17	E.coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	**20**
18	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	200	**≤ 5.000**(1)

Ghi chú:
- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- **QCVN 08:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước mặt;
- (1) Chất lượng nước hồ, ao, đầm và bảo vệ môi trường sống dưới nước đạt mức B;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0108210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT H.ĐÔNG ANH-TP.HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- *Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.*
- *Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.*
- *Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.*

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02982/2026/PKQ (26.1123)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Nước dưới đất
NDĐ.260723.001: NDD2: Nước ngầm tại khu vực khai thác mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả NDĐ.260723.001	QCVN 09:2023/BTNMT
1	pH	-	TCVN 6492:2011	6,2	5,8 ÷ 8,5
2	DO	mg/L	TCVN 7325:2016	3,7	-
3	Tổng chất rắn lơ lửng (TSS)	mg/L	TCVN 6625:2000	<9(a)	-
4	BOD_5	mg/L	TCVN 6001-1:2021	19,6	-
5	COD	mg/L	SMEWW 5220C:2023	31,8	-
6	Tổng N	mg/L	TCVN 6638:2000	<9(a)	-
7	Asen (As)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,05
8	Cadmi (Cd)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,005
9	Chì (Pb)	mg/L	SMEWW 3113B:2023	KPH (LOD=0,001)	0,01
10	Thủy ngân (hg)	mg/L	TCVN 7877:2008	KPH (LOD=0,0002)	0,001
11	Đồng (Cu)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,04)	1
12	Kẽm (Zn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	3
13	Sắt (Fe)	mg/L	TCVN 6177:1996	0,67	5
14	Mangan (Mn)	mg/L	SMEWW 3111B:2023	KPH (LOD=0,03)	0,5
15	Coliform	MPN/100mL	SMEWW 9221B:2023	<3(a)	3
16	E. Coli	MPN/100ml	SMEWW 9221B&F:2023	KPH (LOD=1,8)	KPH

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 09:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước dưới đất;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0108210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT X.ĐÔNG ANH-TP.HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02983/2026/PKQ (26.1123)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260723.001: KK14: Khu vực dân cư xung quanh mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260723.001	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	65,9	70(1)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	136,0	300
3	SO_2	µg/Nm^3	MASA Method 704A	48,2	350
4	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	27,2	200
5	Chì (Pb)	µg/Nm^3	NIOSH Method 7048	KPH (LOD=0,03)	-
6	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	66,2	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N: 0108210122 - C.T.C.P - CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT - X. ĐÔNG ANH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02984/2026/PKQ (26.1123)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260723.002: KK15: Khu vực khai trường khai thác mỏ
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260723.002	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,7	70(1)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	125,9	300
3	SO_2	µg/Nm^3	MASA Method 704A	<30(a)	350
4	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	23,4	200
5	Chì (Pb)	µg/Nm^3	NIOSH Method 7048	KPH (LOD=0,03)	-
6	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,5	-

Ghi chú:

- (a): Kết quả phân tích mẫu nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ) của phương pháp thử;
- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

M.S.D.N:0108210122-C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT ĐÔNG ANH - T.P HÀ NỘI

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.

VIMCERTS 233
ISO/IEC 17025:2017
547/BC-SYT

CÔNG TY CỔ PHẦN MÔI TRƯỜNG VINH PHÁT
PHÒNG PHÂN TÍCH CHẤT LƯỢNG MÔI TRƯỜNG
Hotline: 0915.36.36.63 https: //moitruongvinhphat.com
Email: moitruongvinhphat.jsc@gmail.com

Trụ sở chính: thôn Mạch Tràng, xã Đông Anh, Hà Nội.
Phòng PTCLMT: Tổ dân phố Nội Lâu Thượng, phường Việt Trì, tỉnh Phú Thọ

Số: 02985/2026/PKQ (26.1123)

PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH

Tên khách hàng : Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Sông Thao
Địa chỉ : Khu 9 Ninh Dân, xã Hoàng Cương, Tỉnh Phú Thọ
Địa điểm lấy mẫu : Khu vực mỏ cao Silic
Loại mẫu/ký hiệu mẫu : Không khí xung quanh
KXQ.260723.003: KK16: Khu vực các tuyến đường bốc xúc, vận chuyển
Ngày lấy mẫu : 23/07/2026
Thời gian thử nghiệm : 23/07/2026 – 30/07/2026

TT	Thông số	Đơn vị	Phương pháp phân tích	Kết quả	QCVN 05:2023/BTNMT
				KXQ.260723.003	Trung bình 1 giờ
1	Tiếng ồn	dBA	TCVN 7878-2:2018	62,5	70(1)
2	Tổng bụi lơ lửng (TSP)	µg/Nm^3	TCVN 5067:1995	132,8	300
3	SO_2	µg/Nm^3	MASA Method 704A	38,6	350
4	NO_2	µg/Nm^3	TCVN 6137:2009	21,4	200
5	Chì (Pb)	µg/Nm^3	NIOSH Method 7048	KPH (LOD=0,03)	-
6	Tiếng ồn CĐ	dBA	TCVN 7878-2:2018	63,7	-

Ghi chú:

- KPH: Không phát hiện, kết quả nhỏ hơn giới hạn phát hiện (LOD) của phương pháp thử;
- "-": Không quy định;
- **QCVN 05:2023/BTNMT:** Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về chất lượng môi trường Không khí;
- (1) QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về tiếng ồn, khu vực thông thường từ 6 giờ đến 21 giờ;

Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2026

TM. PHÒNG THÍ NGHIỆM

Vũ Thị Thắm

TỔNG GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Yên

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử.
- Tên mẫu và tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng.
- Phòng thí nghiệm lưu mẫu 7 ngày sau khi trả kết quả, quá thời gian trên phòng không chịu trách nhiệm giải quyết việc khiếu nại về kết quả phân tích.